

Bản án số: 45/2019/DS-ST
Ngày: 14/11/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Thành Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chấn

Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hương - Thư ký, Toà án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội, tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 36/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐST-DS ngày 03/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐST-DS ngày 21/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội; Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2019/QĐST-DS ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng A.**

Trụ sở: Số 266 - 268 L, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu P - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm thẻ - M (Theo Giấy ủy quyền số 4213/2017/GUQ-PL ngày 28/12/2017).

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tiến S - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng A. (Theo Giấy ủy quyền số 944/2018/UQ-TTT ngày 11/6/2018). (Ông Nguyễn Tiến S có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1975

ĐKHKT: TT C, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 21A, khu 31ha, ngõ 127 đường Ngô Xuân Quảng, TDP Chính Trung, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội.

(Bà H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 11/6/2018 của nguyên đơn là Ngân hàng A và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Tiến S trình bày:***

Ngày 21/10/2015 bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975 ĐKHKT: TT C, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A (Đơn vị phát hành thẻ) - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với Ngân hàng A (Gọi tắt là Ngân hàng M) - Chi nhánh T - Phòng giao dịch C. Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng M đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiêu dùng cá nhân, hạn sử dụng thẻ từ ngày 23/10/2015 đến tháng 10/2018; lãi suất trong hạn 2,15%/tháng; lãi quá hạn 150%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 101.524.500 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà H đã thanh toán cho Ngân hàng M số tiền 40.130.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Cũng trong thời gian này, bà H liên tục trễ hạn thanh toán thẻ tín dụng với Ngân hàng M. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng M), ngày 01/4/2017 Ngân hàng M đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với dư nợ gốc của bà H là 83.105.059 đồng. Từ thời điểm phát sinh quá hạn đến nay, bà H không thanh toán thêm cho Ngân hàng M bất cứ khoản nào và tiếp tục trễ hạn thanh toán nợ. Mặc dù Ngân hàng M đã yêu cầu Bà H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng M, không có thiện chí trả nợ vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Tạm tính đến ngày 14/11/2019, bà H còn nợ Ngân hàng M tổng số tiền:

- Nợ gốc: 83.105.059 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 85.585.804 đồng.
- Tổng cộng: 168.690.863 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng M đã nộp đơn khởi kiện đối với bà Hoàng Thị H và đề nghị Tòa án nhân dân huyện G, xem xét, giải quyết các vấn đề sau: Buộc bà Hoàng Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng M toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 14/11/2019 là: 168.690.863 đồng, trong đó: nợ gốc còn phải trả là: 83.105.059 đồng, nợ lãi quá hạn còn phải trả là: 85.585.804 đồng, đồng thời yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày bà Hoàng Thị H thực tế thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng M.

Yêu cầu bà Hoàng Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn - bà Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nS bà H không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không có lời khai của bà H tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay.***

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:***

- Tòa án nhân dân huyện G đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành nghiêm túc, không đến Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét Hợp đồng tín dụng giữa bà Hoàng Thị H và Ngân hàng A (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng) ngày 21/10/2015. Hợp đồng tín dụng nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như các Điều 471, 472, 473, 474, 475 của BLDS 2005; mục đích và nội dung của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; chủ thể của hợp đồng có đầy đủ năng lực pháp luật và

năng lực hành vi.

Về lãi xuất: Căn cứ Điều 474 của BLDS năm 2005, Điều 1 Thông tư số 121/2010/TT – NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi xuất thỏa thuận, Điều 1 quy định:

“Điều 1. Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi xuất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, pH án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả.”

Vì vậy các thỏa thuận giữa Ngân hàng A và bà Hoàng Thị H trong Hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

Bà H đã vi phạm những cam kết theo hợp đồng, không trả đúng hạn gốc, lãi cho Ngân hàng, vì vậy Ngân hàng M khởi kiện là có căn cứ.

Vì các lẽ trên, căn cứ các Điều 471, 472, 473, 474, 475 của BLDS năm 2005; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT – NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi xuất thỏa thuận, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bà Hoàng Thị H buộc bà H phải trả cho M (tạm tính đến ngày 14/11/2019) là:

- Nợ gốc: 83.105.059 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 85.585.804 đồng.

Tổng cộng: 168.543.823 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Hoàng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi xuất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

* Về án phí: Vụ án thụ lý ngày 06 tháng 03 năm 2019, nên về án phí cần áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Về quan hệ pháp luật: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án trên là tranh chấp dân sự, về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay thể hiện bà Hoàng Thị H đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 với mục đích vay tiêu dùng cá nhân và bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 101.524.500 đồng của Ngân hàng M với mục đích chi trả tiêu dùng cá nhân. Đây là tranh chấp về dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về dân sự, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà Hoàng Thị H – Nơi ĐKKHKT: TT C, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 21A, khu 31ha, ngõ 127 Ngõ Xuân Quảng, TDP Chính Trung, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Như vậy, Bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[3]. Việc ký kết hợp đồng: Ngày 21/10/2015 bà Hoàng Thị H - Nơi ĐKKHKT: TT C, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 21A, khu 31ha, ngõ 127 N, TDP C, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A (Đơn vị phát hành thẻ) - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với Ngân hàng A (Gọi tắt là Ngân hàng M) - Chi nhánh T - Phòng giao dịch Hàng C, với nội dung:

Số tiền vay: 100.000.000 đồng.

Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân.

Thời hạn vay: 03 năm

Lãi suất trong hạn: 2,15%/tháng.

Lãi suất quá hạn: 150%/ tháng.

PH thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản của khách hàng mở tại Ngân hàng M, nhận nợ từ thời điểm Ngân hàng M giải ngân tiền vay vào tài khoản thanh toán của bên vay. Ngày 23/10/2015 Phòng giao dịch Hàng Bạc – Ngân hàng M - Chi nhánh Thủ Đức đã lập tờ trình phê duyệt của đơn vị cho vay đối với bà Hoàng Thị H như nội dung:

Số tiền vay: 100.000.000 đồng.

Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân.

Thời hạn vay: 03 năm

Lãi suất trong hạn: 2,15%/tháng.

Lãi suất quá hạn: 150%/ tháng.

Kỳ hạn trả nợ: Chi tiết theo lịch trả nợ.

Loại hình cho vay: Tín chấp; Các đề xuất khác: Mở thẻ ghi nợ.

Ngày 23/10/2015 Ngân hàng M - Chi nhánh T đã ký văn bản xác nhận về việc bà Hoàng Thị H đã hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung xác nhận trong Văn bản khi bà H sử dụng dịch vụ tại M mà bà đã ký ngày 23/10/2015. Ngày 23/10/2015 bà H đã nhận đủ số tiền vay 100.000.000 đồng tại Phòng giao dịch Hàng C – Ngân hàng M - Chi nhánh T

[4]. Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[5] Về việc thực hiện hợp đồng của các bên: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng M đã thực hiện việc giải ngân số tiền 100.000.000 đồng cho H. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay. Bà H đã nhận đủ số tiền vay, cũng đã thanh toán cho Ngân hàng được một phần tiền gốc nS sau đó đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình, vi

phạm hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng M khởi kiện yêu cầu buộc bà H phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Theo người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn thể hiện tổng số tiền mà Bị đơn đã trả cho Nguyên đơn tính đến ngày 31/12/2016, bà Hoàng Thị H đã trả nợ được cho Ngân hàng M tổng số tiền 40.130.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc, lãi theo lịch trình trả nợ tại hợp đồng tín dụng đã ký kết của Bị đơn tính từ thời điểm giải ngân.

Xét các chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn nên căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền là 168.690.863 đồng (trong đó: nợ gốc 83.105.059 đồng, nợ lãi quá hạn 85.585.804 đồng) là có căn cứ.

Từ những phân tích và đánh giá ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, về việc buộc Bị đơn là bà Hoàng Thị H phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Nguyên đơn theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ tín dụng ngày 23/10/2015 tổng số tiền còn nợ (*tạm tính đến ngày 14/11/2019*) là: Nợ gốc: 83.105.059 đồng; Nợ lãi quá hạn: 85.585.804 đồng; Tổng cộng: 168.690.863 đồng.

[7]. Xét quan điểm và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 122; Điều 124; Điều 471; Điều 473; Điều 474 và Điều 475 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bà Hoàng Thị H.

2. Buộc bà Hoàng Thị H phải trả cho Ngân hàng A (Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A (Đơn vị phát hành thẻ) - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với Ngân hàng A (Gọi tắt là Ngân hàng M) - Chi nhánh Thủ Đức - Phòng giao dịch Hàng Bạc đã ký ngày 21/10/2015. tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 14/11/2019 là: **168.690.863 đồng** (Một trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm sáu ba đồng); trong đó, nợ gốc phải trả: 83.105.059 đồng; nợ lãi quá hạn phải trả: 85.585.804 đồng)

3. Buộc bà Hoàng Thị H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả, kể từ ngày 15/11/2019 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 21/10/2015) cho đến khi bà Hoàng Thị H thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng A.

4. Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị H phải chịu 8.434.543 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai thu số AA/2010/0004223 ngày 01/3/2019 là 3.030.000 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TANDTP.Hà Nội;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP/TA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thành Nam